

HOÀN THIỆN CHẾ ĐỊNH THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỐ TRONG TỔ TỤNG HÌNH SỰ ĐÁP ỨNG YÊU CẦU CẢI CÁCH TƯ PHÁP Ở VIỆT NAM (KỲ 2)

VŨ ĐỨC HẠNH*

1. Quá trình hình thành, phát triển của chế định thực hành quyền công tố trong tố tụng hình sự Việt Nam từ 1945 đến nay

a) Chế định thực hành quyền công tố (THQCT) được hình thành ngay từ khi nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời nhằm điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh trong việc truy cứu trách nhiệm hình sự (TNHS) đối với những tội phạm xâm phạm đến nền độc lập của đất nước, đến chính thể dân chủ cộng hòa của nhân dân và những tội phạm xâm phạm trật tự, an toàn xã hội khác. Mặc dù mới ra đời nhưng Nhà nước đã ban hành những quy phạm điều chỉnh hoạt động THQCT trong các văn bản pháp luật đầu tiên của mình, đặc biệt là trong Hiến pháp năm 1946. Theo đó, Hiến pháp năm 1946 quy định về các cơ quan tư pháp, trong đó nêu rõ các cơ quan tư pháp chỉ có Tòa án tối cao, các Tòa án phúc thẩm, các Tòa đệ nhị cấp và việc THQCT được giao cho một bộ phận Thẩm phán thuộc Tòa án. Trong Tòa án sơ cấp có Thẩm phán công tố và Thẩm phán xét xử; trong Tòa đệ nhị cấp, Thẩm phán được chia thành hai loại chức vị là Thẩm phán xét xử án và Thẩm phán buộc tội (Thẩm phán Công tố viện); Tòa thượng thẩm có Công tố viện do Chương lý đứng đầu gồm các viên chức làm công tác công tố chuyên trách. Thời kỳ này, Công tố viện được hình thành, hoạt động độc lập dưới sự quản lý, điều hành của Bộ trưởng Bộ Tư pháp nhưng Bộ trưởng Bộ Tư pháp không có quyền trực tiếp làm nhiệm vụ công tố.

Trong tố tụng hình sự (TTHS) ở giai đoạn trước khi xét xử, các Công tố viên có thẩm quyền tư pháp cảnh sát (điều tra

hình sự). Các Công tố viên được điều tra hình sự, THQCT, điều khiển công việc và giám sát công tác điều tra của tư pháp cảnh sát. Ngay ban đầu, các Công tố viên của Cơ quan công tố (CQCT) vừa trực tiếp điều tra về các vụ án hình sự, vừa THQCT, vừa giám sát và điều khiển hoạt động điều tra của cơ quan tư pháp cảnh sát, tức là Cơ quan điều tra. Khi tham gia phiên tòa, Công tố viên có quyền yêu cầu Tòa án thi hành mọi phương sách cần thiết để chứng tỏ sự thật. Ngoài ra, CQCT kiểm soát công việc quản trị lao tù, việc giam giữ thì phải chịu trách nhiệm khám xét sổ sách và ngân quỹ của các phòng công lại, khám xét các sổ hộ tịch trong quản hạt của mình...

Về nhiệm vụ, quyền hạn của Chương lý với tư cách là người đứng đầu CQCT, ngoài quyền phát ngôn ở phiên tòa hộ và hình ở tòa thượng thẩm, Chương lý còn phải trông nom việc thi hành các đạo luật, sắc lệnh và các quy tắc hiện hành. Đồng thời, Chương lý phải đốc thúc việc chấp hành án văn khi có những khoản liên quan đến trật tự chung, trông nom, giữ gìn trật tự các Tòa án và hành động của tất cả các nhân viên ban tư pháp cảnh sát kỳ.

Như vậy, ngay từ lúc ban đầu mới được hình thành, mặc dù chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của cách tổ chức hệ thống cơ quan tư pháp của Pháp, CQCT đã thể hiện xu hướng độc lập cả về tổ chức bộ máy và hoạt động. Tuy nằm trong cơ cấu Tòa án nhưng Chánh án không có quyền điều khiển và kiểm soát các Công tố viên. Chế định THQCT giai

* *Thạc sĩ, Trưởng phòng Đào tạo và Quản lý sinh viên, Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội*

đoạn này ghi nhận các quy định về chức năng công tố, thực hiện sự buộc tội nhân danh công quyền đối với kẻ phạm tội. Cơ quan công tố có những quyền năng pháp lý rất lớn như quyền điều khiển, giám sát hoạt động điều tra và trực tiếp tiến hành hoạt động điều tra. Đồng thời, CQCT còn thực hiện sự giám sát đối với các hoạt động tư pháp và tham gia hoạt động tố tụng dân sự với phạm sự bảo vệ tính chân lý các vụ kiện dân sự để bảo đảm trật tự chung.

Năm 1950, theo Sắc lệnh 85 ngày 22/6/1950, Thông tư 21 ngày 07/6/1950 của Thủ tướng Chính phủ, Thông tư liên bộ 18 ngày 08/6/1950 của Bộ Kinh tế và Bộ Tư pháp, cùng với việc thành lập hệ thống Tòa án nhân dân (TAND) các cấp, cuộc cải cách tư pháp năm 1950 đã làm thay đổi đáng kể tổ chức và hoạt động của CQCT. Về mặt tổ chức, Ủy ban kháng chiến các cấp điều khiển Công tố viện trong địa hạt của mình. Ủy ban kháng chiến hành chính có thể ra mệnh lệnh cho ngành công tố, đại diện ngành công tố phải tuân theo mệnh lệnh của Ủy ban. Mệnh lệnh của Ủy ban có thể là mệnh lệnh chung về đường lối công tố trong thời gian nhất định, cũng có thể là mệnh lệnh riêng, trừ tòa án binh có hệ thống riêng, không liên quan. Về vị trí, cơ cấu tổ chức của Công tố trước và sau khi hòa bình lập lại cơ bản không thay đổi lớn (vẫn nằm trong tổ chức của Tòa án), nhưng chỉ tồn tại trong TAND mà không tồn tại trong Tòa án đặc biệt. Đến năm 1959, trên cơ sở Nghị định 256 ngày 01/7/1959, Nghị định 321 ngày 02/7/1959 của Chính phủ, hệ thống CQCT được tách ra khỏi Bộ Tư pháp và là một hệ thống cơ quan Nhà nước độc lập, có tổ chức từ Trung ương đến địa phương. Viện công tố có nhiệm vụ điều tra và truy tố trước Tòa án những kẻ phạm pháp về hình sự; giám sát việc chấp hành pháp luật trong công tác điều tra của cơ quan điều tra; giám sát việc chấp hành pháp luật trong việc xét xử của các tòa án; giám sát việc chấp hành pháp luật trong việc thi hành các bản án về hình sự, dân sự và trong các hoạt động của cơ quan giam giữ và cải tạo; khởi tố và tham gia tố tụng trong những vụ án dân sự quan

trọng có liên quan đến lợi ích của Nhà nước và của nhân dân...

Như vậy, vị trí, vai trò, chức năng và thẩm quyền của Viện công tố trong bộ máy Nhà nước ta đã có những thay đổi rất căn bản. Ngoài hoạt động tiến hành công tố, thẩm quyền giám sát của Viện công tố được quy định hết sức chi tiết và rõ ràng. Đây là bước cải cách mang tính chất quá độ, là bước phát triển mới của CQCT, cũng là bước chuẩn bị thiết thực cho việc chuyển CQCT thành hệ thống cơ quan của Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) vào năm 1960.

b) Trên cơ sở Hiến pháp năm 1959 và Luật tổ chức VKSND năm 1960, các CQCT được chuyển thành hệ thống các cơ quan Nhà nước mới là VKSND. Việc thành lập VKSND xuất phát từ yêu cầu khách quan của bước chuyển giai đoạn cách mạng ở nước ta, giai đoạn vừa tiếp tục cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, vừa tiến hành cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc. Từ năm 1960 đến năm 2002, VKS có hai chức năng là kiểm sát việc tuân theo pháp luật và THQCT. Hai chức năng đó vẫn được duy trì từ năm 2002 đến nay, nhưng đã bỏ chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật trên lĩnh vực hành chính, kinh tế xã hội, chỉ còn kiểm sát hoạt động tư pháp.

Điều 137 Hiến pháp năm 1992 sửa đổi, bổ sung năm 2001 quy định: "*Viện kiểm sát nhân dân tối cao thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp, góp phần bảo đảm cho pháp luật được chấp hành nghiêm chỉnh và thống nhất. Các Viện kiểm sát nhân dân địa phương, các Viện kiểm sát quân sự thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp trong phạm vi trách nhiệm do luật định*". Cụ thể hóa quy định của Hiến pháp, Luật tổ chức VKSND năm 2002 và Bộ luật tố tụng hình sự (BLTTHS) năm 2003 đã quy định tương đối đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn của chức năng THQCT. Theo đó, nội dung của chức năng THQCT bao gồm: Khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can; đình chỉ, tạm đình chỉ điều tra; đình chỉ, tạm

đình chỉ vụ án; điều tra, bảo đảm việc điều tra thu thập tài liệu, chứng cứ xác định tội phạm, người phạm tội; truy tố bị can ra tòa án và thực hiện việc buộc tội tại phiên tòa; kháng nghị bản án có vi phạm pháp luật của Tòa án. Đồng thời, BLTTHS năm 2003 cũng quy định cụ thể trình tự, thủ tục, thời hạn tiến hành các hoạt động TTTHS thực hiện các quyền năng pháp lý nêu trên của VKS. Giai đoạn này, THQCT đã được phân định trong Hiến pháp là một chức năng độc lập của VKS, được thực hiện ngay từ khi khởi tố vụ án hình sự và trong suốt quá trình TTTHS.

Như vậy, chế định THQCT ở Việt Nam ra đời khá sớm, ngay từ khi thành lập nước và trải qua những giai đoạn lịch sử khác nhau và phát triển theo hướng ngày càng hoàn thiện. Trước yêu cầu của cải cách tư pháp và hội nhập quốc tế, yêu cầu bảo đảm quyền con người trong TTTHS, chế định THQCT trong BLTTHS năm 2003 còn có nhiều hạn chế như quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan tiến hành tố tụng còn chưa thực sự hợp lý dẫn đến hạn chế sự chủ động của các cơ quan tiến hành tố tụng trong đấu tranh phòng, chống tội phạm; thể chế hóa chưa đầy đủ những chủ trương của Đảng và Nhà nước về cải cách tư pháp, về bảo đảm và bảo vệ quyền con người trong TTTHS¹.

c) BLTTHS năm 2015 ra đời với nhiều sửa đổi, bổ sung lớn như: Phân định mạch lạc, chính xác các giai đoạn tố tụng (khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án); quy định đầy đủ, cụ thể trình tự, thủ tục và các hoạt động tố tụng trong từng giai đoạn nhằm đấu tranh có hiệu quả với tội phạm; thực hiện nghiêm túc yêu cầu của Hiến pháp năm 2013 về tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm quyền con người, quyền công dân; phân định hợp lý thẩm quyền giữa các cơ quan tố tụng và giữa các cấp tố tụng...². Nội

dung chế định THQCT trong BLTTHS năm 2015 cũng được sửa đổi, bổ sung tương đối toàn diện về nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của VKS, CQĐT, các cơ quan được giao tiến hành một số hoạt động điều tra, Tòa án, quyền và nghĩa vụ người tham gia tố tụng với tư cách là chủ thể tham gia quan hệ xã hội phát sinh từ hoạt động THQCT truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội. Cụ thể, trong giai đoạn khởi tố, điều tra vụ án hình sự, điều chỉnh thể hiện rõ nét định hướng của Đảng về tăng cường trách nhiệm công tố trong hoạt động điều tra, gắn công tố với hoạt động điều tra. Trong giai đoạn truy tố, đã tách Truy tố thành một phần riêng (Phần thứ ba) quy định đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn của VKS khi THQCT và kiểm sát trong giai đoạn truy tố (Điều 236 và Điều 237). Trong giai đoạn xét xử, đã bổ sung nhiều quy định nhằm tăng cường trách nhiệm và tạo điều kiện để VKS thực hiện việc buộc tội trong giai đoạn xét xử.

2. Những hạn chế của chế định thực hành quyền công tố trong tố tụng hình sự hiện hành

BLTTHS năm 2015 ra đời với những sửa đổi, bổ sung tương đối toàn diện về nhiệm vụ, quyền hạn của VKS trong TTTHS nhưng thực tiễn thi hành cho thấy chế định THQCT trong TTTHS hiện hành còn có những hạn chế nhất định. Cụ thể:

Thứ nhất, về một số nguyên tắc của luật TTTHS

Điều 15 quy định nguyên tắc xác định sự thật của vụ án, trong đó xác định Tòa án cũng có trách nhiệm chứng minh tội phạm là chưa phù hợp, chưa phân định được vai trò của các chủ thể thực hiện các chức năng TTTHS. Tòa án thực hiện chức năng xét xử sẽ không có trách nhiệm chứng minh tội phạm mà chỉ có trách nhiệm ra phán quyết trên cơ sở sự thật của vụ án được chứng minh tại phiên tòa do mình chủ trì điều hành. Đồng

¹ Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2015), *Báo cáo số 11/BC-VKSTC ngày 19/01/2015 tổng kết thực tiễn 10 năm thi hành Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003*, Hà Nội.

² Nguyễn Hòa Bình (chủ biên) (2016), *Những nội*

dụng mới của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, NXB. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

thời, Điều 18 quy định về trách nhiệm khởi tố vụ án, trong đó quy định Tòa án cũng có trách nhiệm khởi tố vụ án là chưa phù hợp với chức năng của Tòa án. Bởi lẽ, khởi tố vụ án là một trong những biện pháp pháp lý TTHS phát động hoạt động THQCT để xác định tội phạm, người phạm tội và thuộc phạm vi điều chỉnh của chức năng buộc tội.

Thứ hai, trong giai đoạn khởi tố, điều tra, truy tố

BLTTHS năm 2015 quy định phạm vi thẩm quyền giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố còn hẹp và chưa có cơ chế phối hợp giữa VKS với CQĐT để bảo đảm cho VKS có thể thực hiện có hiệu quả thẩm quyền này trong thực tiễn. Chưa điều chỉnh hoạt động tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm, lập biên bản tiếp nhận, tiến hành kiểm tra, xác minh sơ bộ của Công an phường, thị trấn, Đồn Công an và hoạt động tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm, lập biên bản tiếp nhận, lấy lời khai ban đầu của Công an cấp xã theo quy định tại khoản 3 Điều 146. Chưa quy định cơ chế xử lý trách nhiệm CQĐT, cơ quan được giao tiến hành một số hoạt động điều tra khi không thực hiện yêu cầu kiểm tra, xác minh, yêu cầu khởi tố vụ án của VKS. Chưa quy định thẩm quyền của VKS được chủ động tiến hành kiểm tra, xác minh, khởi tố vụ án trong trường hợp CQĐT, cơ quan được giao tiến hành một số hoạt động điều tra không thực hiện yêu cầu của VKS về kiểm tra, xác minh, khởi tố vụ án để giải quyết kịp thời vụ án. Điều 147 quy định cho VKS khi giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố có thẩm quyền thu thập thông tin, tài liệu, đồ vật từ cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan để kiểm tra, xác minh nguồn tin, khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi... Tuy nhiên, tại các điều 201, 202 về khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi lại không quy định thẩm quyền VKS khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi.

BLTTHS năm 2015 quy định VKS có thẩm quyền lấy vụ án từ CQĐT về để trực

tiếp điều tra khi cần thiết (ví dụ như khi phát hiện việc điều tra của CQĐT có vi phạm pháp luật nghiêm trọng và trong những trường hợp khác mà VKS xét thấy cần thiết) là chưa tạo ra cơ chế pháp lý hiệu quả để VKS chủ động thực hiện quyền công tố. Thẩm quyền này đã được quy định trong pháp luật TTHS Việt Nam ngay trong giai đoạn đầu thi hành Hiến pháp năm 1946.

Việc BLTTHS năm 2015 quy định về thẩm quyền, thủ tục quyết định áp dụng các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt chưa thực sự bảo đảm tốt nhất cơ chế bảo đảm quyền con người, thiếu vai trò kiểm soát của Tòa án với tư cách là cơ quan thực hiện quyền tư pháp. Đồng thời, việc quy định cho CQĐT được ra quyết định áp dụng biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế trong giai đoạn điều tra là quá mở rộng phạm vi thẩm quyền, chưa phù hợp với chủ trương thu hẹp phạm vi chủ thể có thẩm quyền áp dụng các biện pháp hạn chế quyền con người của người bị cáo buộc phạm tội.

Thứ ba, trong giai đoạn xét xử

Điều 298 quy định về giới hạn của việc xét xử cho phép Tòa án khi xét xử mà xét thấy cần xét xử bị cáo về tội danh nặng hơn tội danh VKS truy tố thì Tòa án trả hồ sơ để VKS truy tố lại và thông báo rõ lý do cho bị cáo hoặc người đại diện của bị cáo, người bào chữa biết; nếu VKS vẫn giữ tội danh đã truy tố thì Tòa án có quyền xét xử bị cáo về tội danh nặng hơn. Điều này là không phù hợp với chức năng của Tòa án với tư cách là trọng tài chỉ xem xét những hành vi mà VKS đã truy tố trên cơ sở hồ sơ, chứng cứ, quá trình tranh tụng tại phiên tòa mới có thể định tội danh cho hành vi đó. Có như vậy mới đảm bảo được sự độc lập của Tòa án trong xét xử. Đối với trường hợp Tòa án yêu cầu VKS truy tố bị can với tội danh nặng hơn tội mà VKS đã truy tố nhưng VKS không đồng ý truy tố về tội danh nặng hơn đó thì trong cáo trạng của VKS sẽ không truy tố, luận tội của VKS sẽ không đề nghị

loại và mức hình phạt của tội danh đó, VKS sẽ không tranh luận, đối đáp về tội danh đó nên sẽ không có hoạt động tranh tụng tại phiên tòa.

Ngoài ra, khi xem xét dưới góc độ thực hiện quyền bào chữa của bị cáo, trong trường hợp Tòa án đưa ra xét xử theo tội danh khác nặng hơn thì sẽ tồn tại song song hai nội dung buộc tội: Buộc tội chính thức nhân danh nhà nước của VKS và buộc tội mới nặng hơn do Thẩm phán chủ tọa phiên tòa đưa ra trong quyết định đưa vụ án ra xét xử. Nếu cho rằng buộc tội mới do Thẩm phán chủ tọa phiên tòa đưa ra là buộc tội chính thức thì Tòa án lúc này đã tự biến mình thành cơ quan buộc tội và Tòa án lại xét xử bị cáo theo chính buộc tội của mình (vừa buộc tội vừa xét xử). Bị cáo thực hiện quyền bào chữa của mình thế nào khi tồn tại song song hai nội dung buộc tội khác nhau, trong khi các cơ quan tiến hành tố tụng, trong đó có Tòa án phải tôn trọng, tạo mọi điều kiện để bị cáo thực hiện quyền bào chữa - quyền hiến định của mình.

Cùng với quy định này, BLTTHS năm 2015 quy định thẩm quyền khởi tố vụ án của Hội đồng xét xử (HĐXX) (khoản 4 Điều 153); thẩm quyền xác minh, thu thập, bổ sung chứng cứ (Điều 252) cũng chưa phù hợp với chức năng xét xử của Tòa án. Trong trường hợp việc khởi tố vụ án của HĐXX là có căn cứ, bị can sau này trở thành bị cáo và phải chịu sự trừng phạt của pháp luật; việc xác minh, thu thập, bổ sung chứng cứ nhằm mục đích củng cố chứng cứ để xác định sự thật của vụ án đảm bảo đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền theo quy định của BLTTHS năm 2015 thì quyền, lợi ích hợp pháp của bị can (có thể sau này là bị cáo) khi chủ thể khởi tố vụ án, chủ thể xác minh, thu thập, bổ sung chứng cứ buộc tội cũng chính là chủ thể có thẩm quyền xét xử trong khi yêu cầu của nguyên tắc khách quan trong xét xử.

Khoản 1 Điều 320, Điều 325, khoản 4 Điều 326 quy định: cùng với việc luận tội, nếu KSV rút một phần quyết định truy tố

hoặc kết luận về tội nhẹ hơn thì HĐXX vẫn tiếp tục xét xử vụ án. Nếu KSV rút toàn bộ quyết định truy tố thì trước khi nghị án, HĐXX yêu cầu những người tham gia tố tụng trình bày ý kiến về việc rút đó. Khi nghị án, nếu HĐXX cho rằng việc rút quyết định truy tố là đúng đắn thì ra bản án tuyên bị cáo vô tội; nếu thấy bị cáo có tội và rút quyết định truy tố không đúng thì ra quyết định tạm đình chỉ vụ án và kiến nghị lên Viện trưởng VKSND cùng cấp hoặc Viện trưởng VKSND cấp trên trực tiếp. Việc KSV rút quyết định truy tố nhưng HĐXX vẫn tiếp tục xét xử vụ án hoặc kiến nghị lên VKSND cấp trên là không phù hợp. Bởi lẽ, khi KSV đã rút quyết định truy tố (rút toàn bộ cáo trạng) thì đương nhiên sẽ không có lời luận tội, cũng không có việc đối đáp tranh luận giữa các bên. Nếu Tòa án vẫn tiếp tục xét xử, vẫn ra bản án thì điều này trái với chức năng xét xử của Tòa án, qua đó ảnh hưởng đến quyền lợi của người bị buộc tội. Như vậy, thẩm quyền của Tòa án trong vấn đề rút quyết định truy tố đã mâu thuẫn với chức năng xét xử.

Điều 307 quy định chủ tọa phiên tòa quyết định trình tự xét hỏi. Mặc dù quy định đã hàm chứa những yếu tố hợp lý, không cứng nhắc như quy định của BLTTHS năm 2003 nhưng dễ dẫn đến sự không thống nhất trong quá trình áp dụng pháp luật. Theo nguyên tắc bên buộc tội phải chứng minh cho việc buộc tội của mình, KSV cần là người hỏi trước để làm rõ việc buộc tội, sau đó đến bị hại, đại diện hợp pháp của bị hại, người bảo vệ quyền lợi hợp pháp của bị hại; bị cáo, người bào chữa của bị cáo hỏi để làm rõ các chứng cứ gỡ tội. HĐXX nên là chủ thể hỏi sau cùng, làm rõ những vấn đề cần thiết liên quan đến việc ra phán quyết về vụ án mà bên buộc tội và bên gỡ tội chưa hỏi.

Thẩm quyền của VKS trong giai đoạn xét xử còn thiếu trong xét xử giám đốc thẩm, tái thẩm. Thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm, đặc biệt là công tác kháng nghị giám đốc thẩm, tái thẩm cũng có ý nghĩa trong việc bảo đảm bản án đã tuyên và đã có hiệu

lực pháp luật phải đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không để xảy ra oan, sai, lọt tội phạm, người phạm tội, thực hiện mục tiêu của THQCT. Tuy nhiên, Điều 266 chỉ quy định nhiệm vụ của VKS trong giai đoạn xét xử sơ thẩm, xét xử phúc thẩm mà không quy định trong xét lại bản án, quyết định theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm.

3. Cơ sở, định hướng hoàn thiện chế định thực hành quyền công tố trong tố tụng hình sự đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp hiện nay

Những hạn chế của BLTTHS năm 2015 nói chung và của chế định THQCT nói riêng đặt ra nhu cầu Nhà nước phải tiếp tục nghiên cứu những cơ sở, định hướng để hoàn thiện các quy định của Bộ luật này. Điều này nhằm đảm bảo tính toàn diện, khách quan, khả thi, khắc phục được những hạn chế trong thực tiễn thi hành và đáp ứng được những yêu cầu của cải cách tư pháp trong giai đoạn hiện nay.

3.1. Quan điểm hoàn thiện mô hình tổ tụng hình sự ở Việt Nam

Ở Việt Nam, trong nhiều thập kỷ qua và cho đến nay, nước ta tiếp tục lựa chọn mô hình TTHS thẩm vấn, tiếp thu có chọn lọc những yếu tố tích cực của mô hình TTHS tranh tụng và đã được quy định trong BLTTHS năm 2015. Tuy nhiên, trong thời gian tới, mục tiêu của cải cách tư pháp “*Xây dựng nền tư pháp trong sạch, vững mạnh, dân chủ, nghiêm minh, bảo vệ công lý, từng bước hiện đại, phục vụ nhân dân, phụng sự Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa...*”³ sẽ tiếp tục đặt ra yêu cầu hoàn thiện mô hình TTHS ở Việt Nam theo hướng tăng cường hoạt động tố tụng có tính tranh tụng trong suốt quá trình chứng minh tội phạm, người phạm tội; phân định rõ chức năng TTHS và vị trí, vai trò của các chủ thể thực hiện các chức năng TTHS.

Do đó, cần tiếp tục nghiên cứu, hoàn

³ Bộ Chính trị (2005), *Nghị quyết số 49/NQ-TW ngày 2/6/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*, Hà Nội.

thiện quy định của BLTTHS đảm bảo: (1) Xác định lại nhiệm vụ, quyền hạn của VKS trong TTHS phù hợp với vị trí, vai trò là cơ quan duy nhất có chức năng THQCT, độc lập và chịu trách nhiệm trong quá trình truy cứu TNHS đối với người phạm tội, có thẩm quyền thực hiện mọi biện pháp tố tụng để bảo đảm thực hiện nghiêm chỉnh, triệt để quyền điều tra để phục vụ truy tố và thực hiện việc buộc tội tại phiên tòa. CQĐT đặt dưới sự chỉ đạo trực tiếp về tố tụng của VKS cùng cấp nhưng vẫn bảo đảm sự chủ động, kịp thời trong đấu tranh, xử lý tội phạm. (2) Bảo đảm quyền bào chữa cho người bị buộc tội trong các hoạt động TTHS có tính tranh tụng trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố và xét xử. (3) Phân định rõ nhiệm vụ, quyền hạn của các chủ thể thực hiện các chức năng tố tụng làm nền tảng cho việc xác lập quan hệ phối hợp, kiểm soát quyền lực trong quá trình TTHS.

3.2. Quan điểm về mô hình tổ chức hệ thống Viện kiểm sát theo yêu cầu cải cách tư pháp

Việc nghiên cứu chuyển VKS thành Viện công tố là một chủ trương lớn, tác động đến mô hình tổ chức và hoạt động của CQĐT và các cơ quan có liên quan trong đấu tranh phòng, chống tội phạm; tác động đến việc tổ chức thực hiện quyền lực Nhà nước nên cần có lộ trình phù hợp. Trong thời gian tới, việc tiếp tục nghiên cứu thực hiện các yêu cầu của cải cách tư pháp trong giai đoạn mới, trong đó có việc xác định đúng vị trí, vai trò của VKS, CQĐT, Tòa án trong TTHS trên cơ sở mô hình tổ chức của CQĐT, VKS, Tòa án là mang tính tất yếu trong giai đoạn xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa với những đòi hỏi ngày càng rõ ràng về cơ quan thực hiện quyền hành pháp, lập pháp, tư pháp. Trong đó, việc xác lập quan điểm hoạt động tư pháp gắn liền với Tòa án; VKS là một thiết chế độc lập thực hiện chức năng công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp; CQĐT thuộc Hành pháp, được tổ chức độc lập, thực hiện một phần nội dung quyền công tố chịu sự chỉ đạo, giám sát của

VKS về TTTHS là nền tảng, là cơ sở để tiếp tục hoàn thiện pháp luật nói chung và chế định THQCT nói riêng.

3.3. Quan điểm về tăng cường trách nhiệm công tố trong hoạt động điều tra, gắn công tố với hoạt động điều tra

Chủ trương tăng cường trách nhiệm công tố trong hoạt động điều tra, gắn công tố với hoạt động điều tra mặc dù đã được thể chế hóa trong BLTTHS năm 2015 nhưng chưa thực sự đảm bảo cho VKS giữ vai trò chỉ đạo, định hướng điều tra. BLTTHS năm 2015 chưa có quy định về thẩm quyền chỉ đạo điều tra theo đúng nghĩa mà chỉ quy định thẩm quyền “đề ra yêu cầu điều tra” để bổ sung chứng cứ chứng minh tội phạm, người phạm tội và quyền yêu cầu về các hoạt động TTTHS trong quá trình giải quyết vụ án hình sự. Về bản chất, “đề ra yêu cầu điều tra” của VKS không phải là văn bản chỉ đạo điều tra theo nghĩa đầy đủ vì theo quy định của pháp luật, Thủ trưởng CQĐT là người trực tiếp chỉ đạo, định hướng điều tra. Để quyền “đề ra yêu cầu điều tra” thực chất là hoạt động chỉ đạo, định hướng điều tra và được quy định thành nguyên tắc, được thực hiện nhất quán và xuyên suốt trong toàn bộ quá trình cải cách tư pháp, đòi hỏi việc tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện Hiến pháp, BLTTHS năm 2015 theo hướng đổi mới mô hình tổ chức và hoạt động của CQĐT phải độc lập, phù hợp với mô hình tổ chức và hoạt động của VKS; xây dựng cơ chế pháp lý đảm bảo cho công tố chỉ đạo, giám sát hoạt động điều tra và công tố trực tiếp điều tra tất cả tội phạm khi cần thiết; xác định rõ trách nhiệm của CQĐT trong việc thực hiện yêu cầu, chỉ đạo điều tra của VKS và trách nhiệm của VKS khi đề ra yêu cầu, chỉ đạo điều tra.

3.4. Quan điểm về nâng cao chất lượng tranh tụng tại tất cả các phiên tòa xét xử

Tranh tụng tại phiên tòa hình sự là một trong những nội dung có ý nghĩa quan trọng trong hoạt động TTTHS, là yêu cầu cấp bách trong việc đảm bảo tính công bằng, dân chủ giữa người tham gia tố tụng với VKS, là căn

cứ quan trọng để xác định sự thật vụ án và là một trong những cơ sở để HĐXX ra bản án đúng đắn, khách quan, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Khoản 5 Điều 103 Hiến pháp năm 2013 quy định “Nguyên tắc tranh tụng trong xét xử được bảo đảm” và được thể chế hóa trong BLTTHS năm 2015. Tuy nhiên, việc thực hiện nguyên tắc tranh tụng sẽ hạn chế vì BLTTHS quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan tiến hành tố tụng, đặc biệt là nhiệm vụ, quyền hạn của Tòa án vượt quá phạm vi nội dung chức năng xét xử trong TTTHS. Những hạn chế này cần tiếp tục nghiên cứu để hoàn thiện các quy định của BLTTHS năm 2015 theo hướng phân định rõ chức năng và chủ thể thực hiện các chức năng TTTHS; đổi mới thủ tục tại phiên tòa đảm bảo VKS, bên gỡ tội là chủ thể chứng minh có trách nhiệm tham gia xét hỏi, cung cấp tài liệu, chứng cứ và thực hiện việc tranh tụng bình đẳng, đúng pháp luật. Tòa án chỉ thực hiện chức năng xét xử, xác định sự thật của vụ án thông qua xét xử chứ không tham gia vào quá trình buộc tội.

3.5. Quan điểm về bảo đảm quyền con người trong tố tụng hình sự

BLTTHS năm 2015 về cơ bản đã thể chế hóa được quy định của Hiến pháp năm 2013 về quyền con người và cơ chế bảo vệ quyền con người trong TTTHS. Tuy nhiên, việc quy định cho nhiều chủ thể được quyền quyết định áp dụng biện pháp ngăn chặn trong TTTHS, đồng thời thiếu cơ chế kiểm soát của Tòa án với tư cách là cơ quan thực hiện quyền tư pháp là chưa thực sự phù hợp, dễ bị lạm dụng cho hoạt động thu thập chứng cứ chứng minh tội phạm, người thực hiện hành vi phạm tội và các tình tiết khác có liên quan của vụ án. Chính vì vậy, việc tiếp tục nghiên cứu cơ chế quyết định áp dụng các biện pháp TTTHS tác động đến quyền con người để hoàn thiện quy định của BLTTHS năm 2015, trong đó có chế định THQCT nhằm đảm bảo các cơ chế pháp lý này thực sự khách quan và tiệm cận đến các chuẩn mực quốc tế là yêu cầu

mang tính tất yếu, đặc biệt trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

3.6. Lý luận chế định thực hành quyền công tố và thực tiễn thi hành

Lý luận về chế định THQCT với hệ thống các quan điểm, quy luật, phạm trù về chế định THQCT trong TTHS trên cơ sở tri thức chung của nhân loại, kết hợp đặc điểm chính trị, kinh tế, xã hội và pháp luật Việt Nam, đặc biệt là cơ chế thực thi quyền lực Nhà nước, đặc thù về tổ chức và vận hành quyền tư pháp ở Việt Nam. Trong đó, việc chú trọng vai trò, vị trí, chức năng THQCT của VKS, mối quan hệ giữa VKS với CQĐT, Tòa án; quyền và nghĩa vụ của người tham gia tố tụng sẽ cung cấp những cơ sở khoa học cho quá trình xây dựng, hoàn thiện chế định THQCT trong TTHS Việt Nam. Chẳng hạn, cơ sở lý luận về quyền công tố, THQCT đã được các nhà khoa học chứng minh bằng các luận cứ khoa học về phạm vi của THQCT (THQCT được thực hiện từ khi có tội phạm xảy ra và thực hiện trong suốt quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử)⁴ là cơ sở khoa học cho việc quy định phạm vi điều chỉnh của chế định THQCT trong BLTTHS năm 2015.

Nếu như lý luận về chế định THQCT cung cấp cơ sở lý thuyết và những luận cứ khoa học trong xây dựng, hoàn thiện chế định THQCT trong TTHS thì thực tiễn thi hành chế định THQCT nhằm kiểm nghiệm các quy định đã có, đồng thời thu thập những yêu cầu của thực tiễn công tác đấu tranh, xử lý tội phạm làm cơ sở hoàn thiện chế định THQCT. Một trong những quan điểm chỉ đạo trong quá trình xây dựng BLTTHS năm 2015 là: “Việc xây dựng dự án Bộ luật tố tụng hình sự phải được tiến hành trên cơ sở tổng kết thực tiễn 10 năm thi hành

Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003, tiếp tục kế thừa những quy định còn phù hợp, khắc phục căn bản những vướng mắc, bất cập đặt ra qua thực tiễn”⁵.

3.7. Yêu cầu của hội nhập quốc tế trong tố tụng hình sự

Toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế ở Việt Nam cũng là cơ sở quan trọng và không thể thiếu trong quá trình hoàn thiện hệ thống pháp luật nói chung, trong đó có pháp luật TTHS. BLTTHS năm 2015 đã bổ sung đầy đủ căn cứ pháp lý cho hoạt động hợp tác quốc tế trong TTHS, quy định cụ thể về hợp tác quốc tế trong TTHS⁶.

Trong thời gian tới, khi xu hướng hội nhập quốc tế ngày càng sâu, rộng trên nhiều lĩnh vực theo tinh thần của Nghị quyết số 22-NQ/TW ngày 10/4/2013 của Bộ Chính trị về Hội nhập quốc tế mang tính tất yếu, hội nhập quốc tế trong TTHS tiếp tục được đẩy mạnh. Việc tham gia, ký kết các điều ước quốc tế liên quan đến công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm; các hiệp định tương trợ tư pháp hoặc điều chỉnh, bổ sung nội dung các hiệp định tương trợ tư pháp về hình sự với các quốc gia đã ký kết phù hợp với yêu cầu và thực tiễn hợp tác quốc tế trong TTHS cũng sẽ tiếp tục được thực hiện nhằm bảo đảm cho công tác đấu tranh, xử lý tội phạm trong tình hình mới được hiệu quả. Xu hướng này đặt ra yêu cầu mang tính tất yếu là Nhà nước phải tiếp tục nội luật hóa các quy định trong pháp luật quốc tế trong hệ thống pháp luật nói chung và trong luật TTHS nói riêng, trong đó có chế định THQCT./.

⁵ Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2015), *Tờ trình của Viện kiểm sát nhân dân tối cao: Dự thảo Bộ luật tố tụng hình sự sửa đổi và Bảng so sánh quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 và Dự thảo Bộ luật tố tụng hình sự sửa đổi*, Hà Nội.

⁶ Nguyễn Hòa Bình (chủ biên), *Tlđđ*.

⁴ Lê Hữu Thế (Chủ biên) (2008), *Thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp trong giai đoạn điều tra*, NXB Tư pháp, Hà Nội.